

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 19

Phẩm thứ mười sáu: PHẠM HẠNH

(Từ cuối quyển thứ 17 trong kinh đến phẩm Dạ-ma cung trung kệ tán).

Giải thích phẩm này có bốn môn:

A- Ý ĐƯA RA, có sáu: 1- Trước là phần vị chính thức, nay phân rõ về hạnh trong phần vị, cho nên tiếp theo đưa ra. 2- Trước trình bày về hạnh riêng biệt trong các phần vị, nay phân rõ về hạnh nối thông trong các phần vị. 3- Trước bao gồm Đạo-Tục, nay riêng biệt hiển bày về hạnh của xuất gia. 4- Trước trình bày tùy theo tướng sai biệt, nay hiển bày hội tụ duyên tiến vào Thật. 5- Bởi vì hiển bày về nhân tiến vào Trú, cho nên nói hai loại Phạm hạnh thanh tịnh của Tự-Tha, là tiến vào Trú thứ nhất. 6- Riêng biệt hiển bày sự thành Phật của Trú thứ nhất, thì tương tự các phần vị trước đây, tướng thành Phật của mỗi một phần vị không do nơi khác mà tỏ ngộ. Có đầy đủ các ý trên đây, cho nên đưa ra phẩm này.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI:

Phạm là âm của Tây Vực, nói đầy đủ là Bội-giám-ma, Trung Hoa phiên ra là Tịnh. Chọn lấy hạnh thanh tịnh cao nhất, thiết lập tên gọi Phạm hạnh. Cuối cùng trong lìa nhiễm cho nên gọi là Phạm, ngay nơi Phạm là Hạnh cho nên gọi là Phạm hạnh, là thuộc về Trì nghiệp thích.

Cũng có nơi nói: “Cảnh chân thật là Phạm, phù hợp với Trí là Hạnh; hoặc Niết-bàn là Phạm, Tu nhân là Hạnh.” Hai loại này thuộc về Y chủ thích.

Phạm Hạnh lấy gì làm Thể? Thể tóm lược có ba: 1- Tức là Giới, Giới có thể ngăn ngừa lầm lỗi, cho nên được gọi là Phạm; 2- Tứ Đẳng; 3- Tuệ. Trong năm hạnh của Niết-bàn, Phạm hạnh tức là bốn Vô lượng, cũng là bảy Thiện tri.

Nay trong phẩm này có đủ ba nghĩa, nhưng ba loại này đều có hai. Giới có hai: 1- Tùy theo tướng; 2- Lìa xa tướng. Nay vẫn ngay nơi tướng mà không có tướng, nghĩa là dựa vào giáo pháp của Như Lai-xuất gia mặc áo hoại sắc-khất thực làm chánh mạng, là tùy theo tướng; đối với sự tu tập không hề đấm trước, thì tướng của Giới giống như hư không, tức là lìa xa tướng. Tứ Đẳng có hai: 1- Có duyên; 2- Không có duyên. Duyên với chúng sinh-duyên với pháp đều gọi là có duyên. Nay ngay nơi duyên mà không có duyên, nghĩa là quán sát chúng sinh mà không rời bỏ, là có duyên; nhận biết rõ ràng về cảnh giới như huyễn-như mộng, tức là không có duyên. Tuệ có hai: 1- Có phân biệt; 2- Không có phân biệt. Nay ngay nơi phân biệt mà không có phân biệt, nghĩa là đối với mười pháp suy xét đưa ra từng pháp một, là có phân biệt; quán sát về pháp là không có tướng, nhận biết rõ ràng bình đẳng, lìa xa ý niệm phù hợp sâu xa, tức là không có phân biệt.

Hai nghĩa trong ba loại trên đây, đều có nghĩa 1 là bao gồm phạm phu-Tiểu thừa, nghĩa 2 chỉ riêng Đại thừa. Hai nghĩa này không hai, là Phạm hạnh thuộc Thật giáo; nếu như một hạnh đầy đủ tất cả các pháp của Phật, thì mới là Phạm hạnh của Hoa Nghiêm. Phạm tức là thanh tịnh, nhưng bởi vì tánh thanh tịnh cho nên hạnh thanh tịnh, bởi vì hạnh thanh tịnh cho nên trí tuệ thanh tịnh, bởi vì trí tuệ thanh tịnh cho nên tâm thanh tịnh, bởi vì tâm thanh tịnh cho nên tất cả công đức thanh tịnh, cho đến thành Phật thì công lao quy về nơi hạnh, cho nên nói là Tịnh hạnh. Nhưng thanh tịnh trong Tín trước đây, tùy theo Sự thành tựu về Tu, do Bi-Trí cùng dẫn dắt, đến đây thuần thực hiểu rõ về tự tánh của tâm, Bi-Trí vốn không hai, cho nên có một vài điểm không giống nhau.

C- TÔNG THỨ: Tức là dùng Bi-Trí không hai, Sự-Lý cùng tu, quán hành là Tông; nhanh chóng đầy đủ tất cả các pháp của Phật là Thứ.

D- GIẢI THÍCH VĂN: Văn phân làm hai: Trước là thưa hỏi; sau là giải đáp.

Trong phần trước là thưa hỏi cũng có hai: Một- Nói rõ về người thưa hỏi-giải đáp, Thiên tử Chánh Niệm thưa hỏi, Thiên là thanh tịnh, biểu thị cho Sự-Lý đã thưa hỏi bật dứt tướng của nhiễm, Phạm dựa vào hạnh của Thiên mà được thành tựu, Niệm và Vô niệm hai mà không hai, là Chánh Niệm; Pháp Tuệ giải đáp, là biểu thị cho Tuệ khéo léo tận cùng về pháp. Hai-Từ “Phật tử...” trở xuống là chính thức hiển bày về điều thưa hỏi, trong đó: Đầu là nêu ra cảnh đã thưa hỏi; tiếp từ “Vân hà...” trở xuống là thuật rõ về tướng đã thưa hỏi. Thưa hỏi về tướng có

hai: 1- Thừa hỏi về nhân của hạnh thanh tịnh, nghĩa là Phạm hạnh tùy theo tướng của trì giới, vì sao đạt được thanh tịnh của lìa xa tướng, do đó không nên nói là Tịnh kém so với Phạm. 2- Từ “Bồ-tát...” trở xuống là thừa hỏi về nhân đã đạt được quả.

Phần sau từ “Pháp Tuệ...” trở xuống là giải đáp, giải đáp hai câu hỏi trước đây tức là hai phần riêng biệt: Một- Giải đáp về nhân của hạnh thanh tịnh; Hai- Từ “Nhược chư Bồ-tát...” trở xuống là giải đáp về nhân đã thành tựu quả, đây là thành tựu lợi ích của quán sát.

Trong phần một: Phân hai: 1- Trình bày về thanh tịnh của Tự hành, tức là thành tựu Giới thuộc về lìa xa tướng; 2- Từ “Phục ứng tu tập...” trở xuống là trình bày về hạnh thanh tịnh của Lợi tha, tức là Tứ Đẳng thuộc về không có duyên. Hai loại Trí tuệ bao gồm ở hai văn, là bởi vì chủ động thanh tịnh.

Trong phần 1: Phân bốn: a- Tổng quát nêu rõ về những thích hợp; b-Từ “Sở vị...” trở xuống là nêu ra tên gọi sơ lược giải thích; c- Từ “Nhược thân thị...” trở xuống là mở rộng trình bày về tướng tu tập; d- Từ “Như thị quán dĩ...” trở xuống là hiển bày về tướng thành tựu do quán sát.

Phần a: Tác ý, bởi vì không rơi vào Vô ký. Quán sát, bởi vì dùng Tuệ suy xét tìm tòi.

Trong phần b: Đầu là nêu ra mười pháp, tức là nêu ra cảnh đã duyên trước đây; sau từ “Ứng như thị quán...” trở xuống là giải thích về nguyên cơ tác ý quán sát trước đây. Chỉ khiến cho quán sát về mười pháp: Một: Bởi vì thành tựu về số tròn; hai: Phạm hạnh duyên với Thế không lìa xa mười pháp này, nghĩa là ba nghiệp thân-khẩu-ý là nơi nương tựa của hạnh, ba nghiệp là nhân của hạnh, Tam Bảo là duyên của hạnh, Giới là Thể của hạnh.

Hỏi: Dùng ba nghiệp thiện quay về với Tam Bảo, đạt được Giới tùy theo thiếp nhận, đâu cần phải quán sát? Đáp: Nếu không quán sát, thì bám lấy tướng kiên quyết giữ gìn vốn giống như Quyên-Tiểu. Thấy Giới thuận theo duyên khởi thì tâm trì giới vốn là mê lầm điên đảo, quán sát như thế nào? Mở rộng ở văn sau. Nay sơ lược giải thích về điều đó, ý nói là trong mười pháp tùy theo một pháp. Nếu như chín pháp còn lại thì không phải là trình bày về nhờ vào nhiều duyên, bởi vì hiển bày về Vô tánh. Huống hồ trong mười pháp đều có mười pháp phụ thuộc, suy xét đưa ra từng pháp một, tướng không còn thì lý hiện bày, gọi là Phạm hạnh chân thật.

Phần c: Mở rộng trình bày về tướng tu tập, tức là quán sát về

Tâm-Tứ.

Mười pháp tức là mười đoạn: Sáu đoạn trước bao gồm cấu nhiễm, vì vậy chỉ dựa theo nhiễm-tịnh trái ngược với nhau, gọi là không phải Phạm hạnh, cũng không phân tích phá bỏ tự Thể của pháp ấy; bốn đoạn sau chỉ riêng thanh tịnh thuận với Phạm hạnh, cho nên phân tích về Thể là Không, có Phạm hạnh nơi nào?

Trong mười đoạn đều trước là tổng quát nhắc lại cảnh quán sát, sau là dùng mười sự việc đưa ra để hiển bày không phải là Phạm hạnh.

Đoạn một: Trong thân có đủ: 1- Không phải là thiện, thân bao gồm bất thiện thì Thể không phải là thuận với lý, tánh thiện của Phạm hạnh thì Thể luôn luôn thuận với lý; hai pháp đã khác nhau thì rõ ràng thân không phải là Phạm hạnh, Phạm hạnh đâu ở nơi khác, đều phỏng theo nơi này, nên biết rằng nói đến Phạm hạnh thì xuyên suốt tất cả các câu. 2- Thể là Vô ký, không phải là pháp có thể làm chuẩn mực. 3- Ăn uống cung cấp để tạo thành. 4- Tự tướng xấu xa. 5- Tự tánh bất tịnh. 6- Chủng tử, trú xứ... thấy đều đáng chán ngán. 7- Bốn con rắn(Tứ Đại) trái với nhau. 8- Vốn là chỗ dựa của nghiệp-phiền não. 9- Thân này không nhận biết gì, lại phải nhận lấy cái chết cho nên hoàn toàn bất tịnh. 10- Tám vạn loài trùng, mỗi loài có chín ức, đều bởi vì trùng tụ hội mà tạo thành thân ấy.

Nay Thể của Phạm hạnh này là tánh đáng làm chuẩn mực, luôn luôn lắng trong, thơm ngát sạch sẽ, Hiền Thánh vốn yêu quý, thuận với pháp-thuận với giáo, Thể không có tạp nhiễm, tương ứng với Trí, do những pháp thiện tích tập mà tạo thành. Thể ấy lẽ nào cho rằng là đối với mười sự việc mong cầu Phạm hạnh không thể có được? Nên biết rằng Phạm hạnh lìa xa tướng-lìa xa tánh. Chín đoạn sau dựa theo như vậy.

Đoạn hai: Thân nghiệp, tác dụng của thân gọi là thân nghiệp, ngữ và ý cũng như vậy. Trong mười sự việc: Bốn loại đầu thuộc về oai nghi là Vô ký, sáu loại còn lại gồm chung thiện-ác, cho nên không phải là Phạm hạnh.

Đoạn ba: Ngữ có đủ mười sự việc: Một loại đầu là Thể của ngữ; năm loại tiếp là duyên của ngữ, nghĩa là gió tiếp xúc với bảy chỗ mà phát ra âm thanh, ở đây lược qua không vòng rốn (Tê luân) và hàm răng (Nha xỉ); bốn loại sau như đưa ra-đưa vào..., là phân rõ về mười sự việc của tướng Ngữ, hướng về nghiệp đều là Thể của Ngữ, Ngữ này chỉ là Vô ký, cho nên không phải là Phạm hạnh.

Đoạn bốn: Mười sự việc về Ngữ nghiệp bao gồm thiện-ác, cho

nên cũng không phải là Phạm hạnh. An lập mà nói, nghĩa là tạm thời thì thiết. Tùy theo thế tục mà nói, là tùy theo danh ngôn của thế tục. Còn lại có thể dựa theo suy nghĩ.

Đoạn năm: Quán sát mười sự việc về Ý: Giác là tìm kiếm (Tâm cầu), Quán là quan sát (Tứ sát), Giác thì thô-Quán thì tế, đều là pháp bất định. Nói về Phân biệt, là dùng Tuệ để lựa chọn, là Tự tánh phân biệt trong ba loại phân biệt, là Nhậm vận phân biệt (tùy ý vận dụng) trong bảy loại phân biệt. Chủng chủng phân biệt, là Tùy niệm kế độ trong ba loại; còn lại sáu loại trong bảy loại, đó là: Hữu tướng, Vô tướng, Tâm cầu, Tứ sát, Nhiễm ô và không nhiễm ô. Ưc niệm, là nhớ lại đã từng luyện tập, chỉ duyên với quá khứ. Tư duy, là dùng Tuệ để suy đoán gồm chung quá khứ-hiện tại và vị lai, đều có một-nhiều, đều làm thành hai loại. Sáu loại trên đều là cảnh riêng biệt thâm nhiếp. Chủng chủng ưc niệm thì nghĩa bao gồm Ác tác. Huyền thuật nối thông với Tư-nối thông với Niệm. Miên(ngủ) là bất định, Ý thức cũng hiện hành, nhưng giữ lấy cảnh mơ hồ đại khái(Muội lược), giấc ngủ dễ dàng có mộng, cũng bao gồm xu thế của thiện-ác lúc tỉnh. Mười loại này là Tâm sở, bởi vì không lìa xa tâm cho nên cùng gọi là Ý. Nêu ra phá bỏ dựa theo trước.

Đoạn sáu: Quán sát mười sự việc về Ý nghiệp, đều là tác dụng của Ý cho nên gọi là nghiệp. Dựa theo năm Biến hành mà nêu ra: Một là Tư, hai là Tướng, bốn loại tiếp là Xúc, bốn loại sau là Thọ. Tác ý là một loại tổng quát khắp cả mười đoạn, cho nên trước đây nói là Tác ý quán sát.

Ngay trong bốn đoạn trên cũng đều là một Uẩn, trong này Tư.. và Ý đâu khác nhau, nhưng Tâm sở như Tư.. vốn có hai nghĩa: 1- Giúp đỡ Tâm vương, thuộc về những pháp đã thâm nhiếp trước đây; 2- Dựa vào tâm khởi Dụng, thuộc về phần vị này thu nhận, phần nhiều là thuận theo cảnh của Thọ để phân rõ. Nếu muốn phá bỏ, thì bởi vì đã dựa theo Biến hành nối thông với ba tánh, cho nên không phải là Phạm hạnh. Còn lại dựa theo trước nhận biết.

Đoạn bảy: Quán sát mười sự việc về Phật là quán sát đối với ba thân.

Nếu dựa vào Tiểu thừa, thì năm sự việc đầu là Pháp thân, bởi vì Giới vô lậu... và năm uẩn vô lậu làm quyến thuộc, vốn là Pháp thân; hai sự việc tiếp là Báo thân, bởi vì trải qua ba Kỳ-trăm Kiếp tu tập vạn hạnh mà cảm được tướng tốt; một sự việc tiếp là Hóa thân, bởi vì thần thông hóa hiện; nghiệp hạnh nối thông với nhau làm nhân của ba thân; quả báo nối thông với Ngũ là quả của ba thân.

Nếu dựa vào Đại thừa, thì tám sự việc trước đều là Hóa thân; một sự việc sau là Báo thân; nghiệp hạnh nối thông với Ngũ là nhân của hai thân, Niết-bàn là Quả, vốn là quả Ly hệ; Bồ-đề là Báo, vốn là Báo của Bốn nguyện.

Nay suy xét nêu ra từng loại một, nếu một loại là Phật thì những loại còn lại lẽ ra không phải là Phật, mỗi một loại đều là Phật thì có nhiều Phật, hòa hợp thành Phật thì không có tự tánh.

Vì vậy, Trung Luận nói: “Không phải ấm-không tách rời ấm, đây-kia không tồn tại với nhau, Như Lai không phải là có ấm, thì ở nơi nào có Như Lai? Ấm hòa hợp làm thành Như Lai, thì Như Lai không có tự tánh. Suy xét tìm tòi tới lui, Thể của Phật là tịch diệt, hãy còn không phải là có, lẽ nào Thể là không có? Người tà kiến sâu dày thì nói là không có Như Lai. Trong tánh Không của các pháp, tư duy cũng không thích hợp, thì biết Chân Phật đã vượt lên trên cảnh của tâm, dựa vào đây mà thành tựu hạnh thì hạnh lẽ nào có tướng hay sao?”

Đoạn tám: Quán sát về pháp: Chỉ có tám câu thì có lẽ bản tiếng Phạn bỏ sót, lẽ nào chín đoạn còn lại đều có mười sự việc, chỉ riêng đoạn này có tám sự việc hay sao? Nếu dựa theo có những biểu hiện (Số biểu), thì biểu hiện trừ bỏ chín mươi tám Sử, thêm vào mười pháp tổng quát quán sát để phá bỏ một trăm lẽ tám phiến não. Nhưng pháp có Giáo-Lý-Hạnh-Quả, nay dựa vào ba loại sau (Lý-Hạnh-Quả) cho nên lược qua chủ động giải thích (Năng thuyên).

Trong tám sự việc: Đầu là một loại là pháp thuộc về Lý, tiếp là một loại là pháp thuộc về Quả, sáu loại còn lại bao gồm cả ba. Dựa theo Lý, có thể biết. Dựa theo Hạnh, nghĩa là bất thiện không phát sinh, vọng tưởng không khởi lên, đoạn dứt lộ trình của ngôn ngữ, Trí không có phân biệt, Định không có nơi chốn hiện hành, Như và Trí phù hợp sâu xa. Sáu loại này cứu cánh tức là tướng của Quả.

Nay suy xét nêu ra nói rằng: Nếu một loại là pháp thì những loại còn lại sẽ không phải là pháp, mỗi một loại đều như vậy. Nếu cho rằng toàn bộ là pháp thì hòa hợp không thật, hễ đạt được một pháp thì sẽ đạt được những pháp còn lại, hòa hợp mà thành thì không có hòa hợp. Nếu lấy không có hòa hợp mà làm pháp, thì pháp không có hòa hợp lẽ nào là có hay sao? Lại ở đoạn này nêu ra pháp đều nêu ra tịch diệt không sinh..., là muốn trình bày về mỗi một pháp tự nhiên trống rỗng, pháp tức là không phải pháp, thì Phạm hạnh ở nơi nào?

Đoạn chín: Quán sát mười sự việc về Tăng: Tám sự việc trước dựa theo con người, hai sự việc sau dựa vào đức hạnh.

Tạm thời dựa vào Tiểu thừa mà nói: Nói về Dự Lưu, bởi vì bắt đầu vượt qua địa vị phàm phu mà dự vào hàng Thánh. Nhất Lai, phiền não do Tu mà đoạn (Tu hoặc) chưa hết, cho nên còn một lần sinh đến trong cõi Dục. Bất Hoàn, phiền não cõi Dục đã hết, cho nên không còn trở lại sinh đến cõi Dục. A-la-hán, phần vị này có ba nghĩa: 1- Gọi là Sát Tặc, bởi vì đã đoạn tất cả các phiền não; 2- Gọi là Bất Sinh, bởi vì đã vĩnh viễn không còn sinh ở ba cõi; 3- Gọi là Ứng Cúng, bởi vì ứng thọ nhiều sự cúng dường của trời-người.

Có bốn Hượng, là bởi vì Hượng về quả. Nghĩa là đoạn Kiến hoặc của ba cõi có mười sáu tâm, lúc đến tâm thứ mười lăm là Đạo loại nhân, gọi là Hượng về quả thứ nhất; đến tâm thứ mười sáu tức là tiến vào Tu đạo, gọi là quả Tu-đà-hoàn. Phiền não do Tu mà đoạn của cõi Dục phân ra làm chín phẩm, đoạn đến năm phẩm là Hượng về quả thứ hai; đoạn sáu phẩm là quả Nhất Lai. Đoạn bảy phẩm hoặc là tám phẩm gọi là Hượng về quả thứ ba; chín phẩm hoàn toàn đoạn hết thì đạt được quả Bất Hoàn. Tiếp theo đoạn phiền não do Tu mà đoạn của hai cõi trên, cho đến tám phẩm phiền não của cõi Hữu Đảnh không còn, gọi là Hượng về A-la-hán; phiền não do Kiến-Tu mà đoạn của ba cõi đều không còn, thì đạt được quả A-la-hán.

Nay ở đây muốn trình bày về Phạm hạnh, cho nên sơ lược nói về tên gọi. Nếu mở rộng dẫn ra luận Bà Sa-Câu Xá-Tạp Tập-Du Già, thì Phạm hạnh thanh tịnh có nhiều danh số.

Năng lực có thừa, là đưa ra ở lúc thuyết giảng. Ý quán sát trong này, nghĩa là Tăng gọi là hòa hợp mà có tám lớp, nếu một lớp là Tăng thì bảy lớp còn lại lẽ ra không phải là Tăng. Lại mỗi một lớp riêng biệt phân rõ thì không có nghĩa về Chúng, quy tụ Chúng không có này thì lẽ nào thành Chúng hay sao? Hượng hồ tiến vào hàng Thánh mà không có gì tiến vào...? Bởi vì pháp vô vi mà có sai biệt, thì Thể ấy tự nhiên trống rỗng.

Hai sự việc sau dựa vào đức hạnh: Nếu đức hạnh là Tăng thì đâu cần đến tám lớp? Lìa xa pháp thì không có con người, lìa xa con người thì không có pháp. Mỗi một loại suy xét đến tận cùng thì Tăng là cái gì? Thể của Tăng đã trống rỗng thì Phạm hạnh dựa vào đâu?

Đoạn mười: Quán sát về Giới: Giới là Thể của hạnh, cũng nhờ vào nhiều duyên, từ duyên mà thành Giới, tánh của Giới giống như hư không. Khởi tâm trì giới, đó gọi là mê lầm điên đảo. Không có thiện-không có oai nghi, không xen tạp với tâm Nhị thừa, thì gọi là trì giới thanh tịnh, Giới này mới gọi là Phạm hạnh chân thật.

Trong đó có mười sự việc: Tám sự việc trước là Thọ, hai sự việc sau là Tùy.

Trong Thọ: Ở nơi Đàn tràng đắc Giới, hỏi về Giáo nghi thanh tịnh và Giáo thọ sư, ba lần thuyết Yết-ma thì đắc Giới pháp, Hòa thượng là đắc Giới căn bản, A-xà-lê đích thực là hai Sư, nghĩa bao gồm Thất chứng; xuống tóc-đắp y là tướng bên ngoài của Giới.

Trong Tùy: Khất thực là một trong Tứ y. Chánh mạng, nghĩa là lìa xa bốn Tà-năm Tà. Nếu dựa vào Bồ-tát giới thì tương tự văn trước đây nêu ra, đầy đủ như kinh Thiện Giới, và Thọ Bồ Tát Giới Yết Ma do Bồ-tát Di-lặc soạn ra đã phân rõ.

Mười cảnh trên đây, chính là dựa theo Bồ-tát, bên cạnh bao gồm Thanh văn; nếu như dựa vào Tiểu thừa thọ giới-tu quán tức là Bồ-tát, thì giống như ở phương này. Lại trong kinh Thiện Giới, muốn thọ Bồ-tát giới, đều trước phải thọ đầy đủ ba Giới trước đây, bởi vì cảnh đã quán sát nổi thông với Đại-Tiểu, Trí có thể quán sát cảnh ấy chỉ riêng Thất giáo Đại thừa. Trên đây là phần quán sát về Tâm-Tứ, xong.

Phần d: Từ “Như thị quán dĩ...” trở xuống là phân rõ về tướng thành tựu của quán sát, hướng về trước thì Tâm-Tứ tức là lợi ích của quán sát, hướng về sau thì đạt được quả thuộc Chánh giác. Đây chỉ là thành tựu về quán sát Như thật, văn phân làm ba: Một-Dựa theo mười cảnh đã quán sát mà thành tựu về quán sát Như thật; Hai- Từ “Thử trung hà pháp...” trở xuống là dựa theo Phạm hạnh đã thành tựu mà thành tựu về quán sát Như thật; Ba- Từ “Như thị quán sát...” trở xuống là kết luận về tướng thành tựu của Phạm hạnh thanh tịnh.

Mục một: Có mười câu: Đầu là sáu câu trình bày về quán sát ba Luân thanh tịnh: 1- Không giữ lấy chúng sinh có thể trì giới; 2- Không đắm theo Sự đã tu hành; 3- Không trú vào giới pháp, cũng tức là Sự, cũng bao gồm không trú vào pháp trước đây. Ba câu tiếp là dùng ba Thời Môn để trình bày về thời gian không trú vào Trì giới, bao gồm giải thích về không giữ lấy... nói trên: Ba đời suy xét tìm tòi không thể nào đạt được, bởi vì đã diệt-chưa đến thì lý về Không dễ dàng sáng tỏ; hiện tại thì nhiều vướng mắc chỉ nói đến Không tịch, bởi vì sát-na không trú vào phạm vi của quá khứ-vị lai, cho nên Không tịch.

Tiếp là hai câu trình bày quán sát thành tựu về hai Không, tác thọ là con người, nghiệp báo là pháp.

Sau là hai câu dùng lý không thay đổi để giải thích thành tựu về nghĩa Không của nhân quả: Đời này không di chuyển, nghĩa là không từ nay đến sau; đời kia không thay đổi, nghĩa là không từ sau đến nay.

Đúng là nhân xưa kia tự nó diệt đi không có năng lực để cảm đến quả, quả không đi cùng nhân không có năng lực để đáp lại nhân, nào có Báo-Thọ, bởi vì chúng sinh (Vật) đều trú vào tánh mà tánh vốn là Không.

Mục hai: Dựa theo Phạm hạnh đã thành tựu mà thành tựu về quán sát Như thật, có mười một câu: Câu đầu là tổng quát hiển bày về không có tên gọi, bởi vì mười pháp đã là Không. Mười câu còn lại là riêng biệt: 1- Không từ mười pháp sinh ra. 2- Không phải là thuộc về thân..., bởi vì mười pháp đều đã là Không. Hai câu trên dựa theo Duyên để nêu ra. Tiếp là hai câu dựa vào Thể để nêu ra: Câu đầu trình bày về tách ra ngoài mười pháp trước đây không có Giới Thể Vô Tác riêng biệt, ngoài mười pháp có Thể không dựa vào mười pháp trước đây; câu sau cũng không có Tác, bởi vì Thọ của Tác tùy theo trước đã là Không. Tiếp là một câu trình bày cả hai đều không phải, hiển bày về Trung đạo, ngăn chặn không phải là Vô tánh. Tiếp là năm câu dựa theo năm Ẩn, có hai ý: Một: Dựa vào Giới Thể. Có người nói: “Thể của Giới Thể Vô Tác tức là Sắc.” Có người nói: “Không phải Sắc-không phải Tâm; trong năm Ẩn thì một Ẩn đầu là Sắc, bốn Ẩn sau là Tâm.” Nay nói bởi vì là Sắc, là hiển bày không phải Sắc, bởi vì đã thiết lập Vô biểu dựa vào Biểu mà sinh ra Biểu sắc-Vô biểu sắc. Nay trình bày về ý quán sát: Biểu sắc hãy còn là Không, thì nơi nào có Vô biểu? Bởi vì không phải Sắc, là hiển bày không phải là không phải Sắc, từ Sắc sinh ra Giới hãy còn không gọi là Sắc, thì từ Sắc sinh ra Giới lẽ nào là không phải Sắc hay sao? Nói bởi vì là Thực, là ý hiển bày không phải Tâm. Nếu nói là Tâm, tất cả đều có Tâm lẽ ra luôn luôn có Phạm hạnh, thì biết không phải Tâm. Nếu nói không phải Tâm, gỗ đá lẽ ra là Phạm hạnh, thì biết không phải là không phải Tâm. Nếu nói không phải Sắc-không phải Tâm mà do Hành uẩn thâm nhiếp, thì chỉ là Hành uẩn lẽ ra đều gọi là Giới. Hai: Dựa vào tu hành Phạm hạnh không tách rời năm Ẩn. Nếu ngay nơi Ẩn, thì có Ẩn đều là Phạm hạnh. Nếu tách rời Ẩn, thì lẽ nào Ngã là Phạm hạnh? Vì vậy sau kết luận rằng đều không thể nào đạt được.

Mục ba: Kết luận về tướng thành tựu của Phạm hạnh thanh tịnh, vẫn có mười một câu: Đầu một câu tổng quát. Tiếp chín câu riêng biệt hiển bày về không có đạt được (Vô đắc): 1- Bởi vì ba đời trên đây đều là Không. 2- Bởi vì đối với thân không có gì đạt được, cho nên đối với tu không có gì đả trước. 3- Nói là tâm không có chướng ngại, tức là bởi vì trước đây đối với pháp không có gì trú vào, cho nên như gió thoảng qua bầu trời không có gì ngăn ngại. 4- Bởi vì hai niệm Tác-Thọ không

hiện hành. 5- Bởi vì tuy Không mà không ngăn ngại gì đến Hữu. 6 và 7- Bởi vì trải qua Hữu mà không mê lầm đối với Không, Thọ và Quán đều Vô tướng, Thọ nghĩa là nhẫn nại đối với tâm, Quán nghĩa là khởi dụng đối với cảnh. 8- Kết luận quy về bình đẳng, phần Man Thù Thất Lợi trong kinh Đại Bát Nhã nói: “Tôi không thấy có một pháp nào không phải là Phật pháp, bởi vì không có pháp nào không như nhau.” 9- Một thu nhận tất cả mới hiển bày về đầy đủ đức viên dung. Cuối cùng một câu tổng quát để kết luận về đề đáp, bởi vì nghĩa trên cho nên gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

Trên đây phân rõ về hạnh thanh tịnh của Tự lợi, xong.

Phần 2: Từ “Phục ưng tu tập...” trở xuống là trình bày về hạnh thanh tịnh của Lợi tha, văn phân làm hai: a- Quán sát sâu vào Trí thuộc quả, tức là phương tiện của Lợi tha; b- Từ Bi nghĩ đến chúng sinh thành tựu Vô duyên Từ-Bi-Hỷ-Xả (Tứ Đẳng), tức là Tự lợi-Lợi tha, Thượng cầu-Hạ hóa đều đầy đủ.

Phần a: văn có ba: Một: Nêu ra pháp thuận theo tu tập, nghĩa là Thể của Phạm hạnh; Thể của Duyên khác nào một tâm trong suốt vắng lặng (Trạm tịch), là Dụng của Phạm hạnh; không suy nghĩ-không tạo tác mà vạn hạnh sục sôi cuộn cuộn, không những quán sát về tâm trọn vẹn sáng ngời, mà còn thuận theo tích tập mở rộng về Trí của Phật. Hai: Từ “Hà giả...” trở xuống là nêu ra phát khởi, riêng biệt nêu ra có thể biết. Ba: Từ “Ư Như Lai...” trở xuống là kết luận khuyến khích học hỏi nhiều thêm.

Phần b: Từ “Văn dĩ...” trở xuống là Từ Bi nghĩ đến chúng sinh thành tựu Vô duyên Từ-Bi-Hỷ-Xả, văn có bốn câu: Một: Cùng khởi lên Từ-Bi như bò mẹ tùy theo bê con. Hai: Tư duy về vị thuốc của pháp mà thành tựu Đại Pháp Hỷ. Ba: Ngay nơi hạnh không có mong cầu mà thành tựu Đại Xả. Bốn: Trí hiểu rõ các cảnh dẫn dắt thành tựu Vô duyên.

Trong này có năm Dụ mở rộng như Thập Nhẫn, nhưng giải thích có tổng quát-riêng biệt. Tổng quát thì có thể biết. Riêng biệt: Như huyền hóa, bởi vì tựa như có mà không thật, tựa như có vốn là Giả, không thật vốn là Không; hai loại này không hai là thành tựu về Trí thuộc Trung Đạo. Như mộng ảo, bởi vì hư vọng mà thấy. Như bóng ảnh, bởi vì từ nghiệp duyên mà hiện bày. Như tiếng vang, bởi vì thuộc về các nhân duyên. Như biến hóa, bởi vì biến diệt trong phút chốc. Nếu hiểu rõ về cảnh như vậy, thì suốt ngày giáo hóa mà không có gì giáo hóa, cũng vì chúng sinh mà thuyết về pháp như vậy, đó gọi là Phạm hạnh thanh tịnh

thuộc về Lợi tha.

Phần hai: Từ “Nhược chư Bồ-tát...” trở xuống là giải đáp câu hỏi về nhân đã thành tựu quả, trong văn phân hai: 1- Nhắc lại nhân sâu xa trước đây, đầu là tổng quát chỉ ra vấn đề trước đây, không sinh khởi hai hiểu biết là nêu ra điều quan trọng ấy, tức là hạnh đã thực hành không hai. 2- Từ “Nhất thiết...” trở xuống là đền đáp đầy đủ quả ấy: a- Nêu ra; b- Giải thích.

Trong phần a: Dựa vào quán sát về Lý vô cùng sâu xa, hiểu rõ về tánh đầy đủ, vì vậy tu tập đầy đủ vạn hạnh, khiến cho hiện tại chứng được Đức Dụng vô biên của Đại quả, tức là tất cả trình bày về Đại quả ấy, mau chóng hiện rõ là nói về mau chóng chứng được quả ấy.

Phần b: Từ “Sơ phát tâm...” trở xuống là giải thích: Trước là giải thích về mau chóng hiện rõ (Tật hiện); sau là giải thích về tướng hiện rõ trước mắt.

Phần trước: Trên đây nói mau chóng đạt được là mau chóng ở lúc nào, vì vậy nói là lúc mới phát tâm; pháp nào hiện rõ trước mắt, đó là Vô thượng Bồ-đề.

Phần sau từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là giải thích về tướng hiện rõ trước mắt, cũng là đưa ra nhân của tướng ấy. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì mới phát tâm là bắt đầu, Chánh giác là cuối cùng. Vì sao mới phát tâm liền thành Chánh giác? Vì vậy nay giải thích rằng: Bởi vì nhận biết tất cả các pháp tức là tự tánh của tâm, hiểu rõ về tự tánh của pháp thì gọi là Phật. Do đó văn sau nói: Tâm Phật lẽ nào có Chánh giác ở nơi khác hay sao, hiểu rõ về thế gian này là Chứng. Đây là Phát, là Phát của khai phát chứ không phải là Phát của phát khởi.

Sao nói là tướng hiện rõ trước mắt? Bởi vì nói đến Trí của Phật không phải là sâu xa, tình thức mê muội nói là xa, tình thức không còn thì Trí hiện bày, là một Thể chứ không phải là cách xa. Đã nói nhận biết tất cả các pháp tức là tự tánh của tâm, thì nhận biết tâm này tức là tánh của tất cả các pháp. Nay lý hiện rõ ở tự tâm, ngay nơi tâm là tánh đã đầy đủ vô biên công đức.

Thành tựu Tuệ thân, là quán sát tận cùng về pháp trước đây, Chánh pháp đang dấy lên, nay các kiến chấp không còn, Trí của Phật liền phát khởi, hiểu rõ tâm thì Lý hiện bày, Lý hiện bày thì Trí đầy đủ, như chiếc gương trong sáng phát ra, không phải trước-không phải sau, không phải mới-không phải cũ.

Vắng lặng soi chiếu sâu thẳm như vậy không nhờ vào nơi khác mà tỏ ngộ, là thành tựu Tuệ thân trên đây, tức là Trí thuộc về Vô Sư

tự nhiên. Lại không nhờ vào nơi khác mà tổ ngộ là Tự giác, nhận biết tất cả các pháp là Giác tha, thành tựu Tuệ thân là Giác mãn. Thành tựu Tuệ thân thì chắc chắn giúp cho Lý phát ra. Thấy được tâm tánh ấy thì lẽ nào lại có nơi khác hay sao? Nếu thấy có nơi khác, thì lẽ nào gọi là tổ ngộ? Đã nói là tâm tánh, thì tự nó cũng không tồn tại. Vắng lặng mà có thể nhận biết thì gọi là Chánh giác, lẽ nào chỉ nhất định là trong lòng(Phương thốn), mà không đạt được mẫu mực ở con người hay sao? Hướng hồ đầu và sau viên dung không cần phải nói! Phẩm Phạm Hạnh, xong.
